

VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
VIETNAM INSTITUTE OF ACCREDITATION

QUY ĐỊNH
VỀ LẤY MẪU ĐỂ ĐÁNH GIÁ
PHÒNG THÍ NGHIỆM

REGULATION ON SAMPLING FOR
ASSESSMENT OF LABORATORY

Mã số/ Code: VACLR7.1.05

Lần ban hành/ Reversion: 04

	Người soạn thảo/ Drafted by	Người kiểm tra/ Check by	Người phê duyệt/ Approved by
Họ và tên/ Name	Đinh Thị Thúy Trang	Phan Minh Hải	Hoàng Hữu Thám
Chức vụ/ Position	Chuyên gia/ Assessor	Chuyên gia/ Assessor	Viện trưởng/ Director
Chữ ký/ Signature			  VIỆN TRƯỞNG <i>T.S. Hoàng Hữu Thám</i>

<p>đó nhân viên CAB được yêu cầu giải quyết một tình huống điển hình và người đó phải nêu trình tự các hành động của mình và giải thích tính khả thi của các quyết định của mình. Đồng thời, các câu hỏi làm rõ được đặt ra để tìm hiểu xem nhân viên CAB sẽ hành xử như thế nào nếu các sự kiện phát triển theo cách này hay cách khác. Phương pháp này cho phép tổng hợp đánh giá năng lực của nhân viên CAB và kiến thức lý thuyết của họ.</p> <p>Theo quy định, kỹ thuật này được kết hợp với các kỹ thuật đánh giá khác để có được thông tin đầy đủ hơn về kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức của nhân viên được đánh giá.</p> <p>6.5.9 Đánh giá xác nhận</p> <p>Đánh giá, trong đó các quy trình đã xác nhận được thực hiện trong CAB được đánh giá, cũng như các báo cáo được công bố là kết quả của quá trình xác nhận, và các quyết định được đưa ra.</p> <p>Kỹ thuật đánh giá này có thể được thực hiện cả trong quá trình kiểm tra tài liệu và trong quá trình đánh giá tại chỗ.</p>	<p>used in which the CAB personnel is asked to solve a typical situation, and he must state the sequence of his actions and explain the feasibility of his decisions. At the same time clarifying questions are asked to find out how the CAB employee will behave if events develop in one way or another. This method allows a comprehensive assessment of the competence of CAB employees and its theoretical knowledge.</p> <p>As a rule, this technique is combined with other assessment techniques in order to obtain more complete information about the experience, skills and knowledge of the assessed personnel.</p> <p>6.5.9 Validation audits</p> <p>Assessment, during which the validation processes carried out in the CAB are evaluated, as well as reports published as a result of validation, and decisions made.</p> <p>This assessment technique can be carried out both in the examination of documents and in the on- site assessment.</p>
--	---

Bảng 1/ Table 1

<p>Số lượng các phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn được áp dụng trong phạm vi công nhận (có nguyên lý khác nhau của phương pháp hoặc để đo các giá trị đo khác nhau)</p> <p>The number of test/calibration methods applied in the scope of accreditation (having a different principle of the method or intended for measuring various measured values)</p>	<p>Số lượng tối thiểu phương pháp được lấy mẫu đại diện trong mỗi lĩnh vực hiệu chuẩn/thử nghiệm</p> <p>The minimum number of representative sample methods in each test calibration filed</p>
<p>Từ 1 đến 6 from 1 till 6</p>	<p>100%</p>
<p>Lớn hơn 6 more than 6</p>	<p>Một phương pháp đại diện từ mẫu đại diện cho các phương pháp theo từng nhánh trong phạm vi công nhận</p> <p>One representative method from a</p>

sẽ xác nhận tài liệu tất cả các hành động theo quy định. Trong trường hợp này, một cuộc phỏng vấn bổ sung được thực hiện với nhân viên CAB trực tiếp thực hiện các hoạt động đó

6.5.5 Phân tích việc tham gia vào các chương trình thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng (ILC)

Trong quá trình đánh giá năng lực của các phòng thí nghiệm đối với phương pháp đại diện được chọn để đánh giá, VACI tính đến kết quả tham gia PT và ILC theo quy định tại VACI.R7.1.03 như sau.

Trong quá trình lấy mẫu để chứng kiến, có thể công nhận kết quả của việc tham gia PT và ILC, với điều kiện là phòng thí nghiệm cung cấp bằng chứng tài liệu:

- thu được kết quả tích cực khi tham gia PT theo phương pháp đại diện;
- tham gia liên tục vào PT và ILC (có tính đến Chính sách VACI về tần suất tham gia vào các PT) theo phương pháp đại diện
- sự tham gia vào PT hoặc ILC này của tất cả những người chịu trách nhiệm thực hiện các thử nghiệm/hiệu chuẩn theo phương pháp đại diện.

6.5.6 Đánh giá từ xa

Đánh giá từ xa là việc đánh giá vị trí vật lý hoặc địa điểm ảo và các hoạt động của CAB bằng các phương tiện điện tử, chẳng hạn như các sử dụng ứng dụng họp trực tuyến.

Đánh giá từ xa có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- khi không thể thực hiện đánh giá tại chỗ do các tình huống bất khả kháng, không lường trước được liên quan đến việc hiện tại không thể đến trực tiếp CAB (do đe dọa đến sự an toàn của các thành viên

confirm documented all the prescribed actions. In this case, an additional interview is conducted with the CAB personnel who directly carried out such activities.

6.5.5 Analysis of participation in proficiency testing programs (PT) and interlaboratory comparisons (ILC)

During the assessment of the competence of laboratories for the representative method selected for assessment, VACI takes into account the results of participation in the PT and ILC taking into account VACI.R7.1.03 as follows.

During sampling for witnessing, it is possible to credit the results of participation in the PT and ILC, provided that the laboratory provides documentary evidences:

- obtaining positive results of participation in the PT by a representative method;
- participation in the PT and ILC (taking into account the BSCA Policy on the frequency of participation in the PTs) on a representative method on an ongoing basis
- participation in this PT or ILC of all personnel responsible for carrying out tests/calibrations by a representative method.

6.5.6 Remote assessment

Remote assessment is the assessment of the physical location or virtual site of the CAB and conducting activities of the CAB using electronic means, such as online video conferencing applications.

Remote assessment can be carried out in the following cases:

- when on-site assessment is not possible due to unforeseen, force majeure situations related to the current inability to physically visit the CAB (due to a threat to the safety of members of the

CAB.

Trong quá trình công nhận ban đầu và công nhận lại, việc xem xét tài liệu đối với tất cả các yếu tố của hệ thống quản lý của CAB được thực hiện.

Trong quá trình lập kế hoạch giám sát, chuyên gia đánh giá trưởng có tính đến kết quả của các lần đánh giá CAB trước đó kể từ lần đánh giá các sự thay đổi trước đó và, dựa trên các yêu cầu của điều 6.1 của quy trình này, xác định nhu cầu đánh giá xem xét tài liệu cho từng yếu tố của hệ thống quản lý.

Nên lập kế hoạch xem xét tài liệu đối với các yếu tố trong hệ thống quản lý của CAB khi có sự không phù hợp trong các yếu tố này được xác định trong giai đoạn đánh giá trước đó và khi có những thay đổi đáng kể xảy ra trong hệ thống quản lý của CAB.

6.5.3 Xem xét tình huống

Xem xét tình huống là đánh giá đầy đủ tất cả các khía cạnh của thử nghiệm/hiệu chuẩn đối với phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn đại diện đã được chọn.

Xem xét tình huống được sử dụng để đánh giá năng lực kỹ thuật của CAB trong việc thực hiện thử nghiệm/hiệu chuẩn đối với phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn đại diện được chọn và đánh giá hiệu lực của hệ thống quản lý của CAB đối với phương pháp đại diện được chọn.

Xem xét tình huống bao gồm đánh giá năng lực của CAB trong việc thực hiện các thử nghiệm/hiệu chuẩn đối với một phương pháp hoặc quy trình đại diện đã được chọn trong thực tế bằng cách sử dụng các kỹ thuật đánh giá kết hợp khác nhau (phỏng vấn, xem xét hồ sơ, phân tích việc tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng thí nghiệm).

management system.

During initial accreditation and re-accreditation, a document review of all elements of the CAB's management system is carried out.

During planning of surveillance the lead assessor taking into account the results of previous assessments of the CAB that have occurred since the previous assessment of the change, and, guided by the requirements of p.6.1 of this procedure, determines the need for a document review for each element of the management system.

A document review of the elements of the CAB's management system is recommended to be planned in the presence of nonconformities in these elements established during the period of the previous assessment and in the presence of significant changes that occurred in the CAB's management system.

6.5.3 Case review

Case review is a complete assessment of all aspects of testing/calibrations for the selected representative test/calibration method.

Case review is used to assess the technical competence of the CAB in carrying out the test/calibrations for the selected representative test/calibration method and assessment of the performance of the CAB's management system regarding the selected representative method.

Case review includes competency assessment of the CAB in carrying out tests/calibrations for a selected representative method or process in practice using various combinations of assessment techniques (interview, record review, analysis of participation in proficiency testing programs and interlaboratory comparisons).

<p>và so sánh liên phòng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - kết quả đánh giá trước đó, - những thay đổi đã xảy ra trong nhân sự của CAB kể từ lần đánh giá cuối cùng. <p>6.4.2 Đoàn đánh giá xác định từ nhân sự của CAB thực hiện thử nghiệm/hiệu chuẩn đối với các phương pháp đại diện đã chọn, nhân sự được đánh giá: tối thiểu một người cho mỗi phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn được chọn đối với một đánh giá cụ thể.</p> <p>6.4.3 Trong quá trình lựa chọn nhân sự của CAB để đánh giá, các kết quả đánh giá trước đó được tính đến để trong chu kỳ công nhận, tất cả nhân sự của CAB thực hiện các hoạt động trong phạm vi công nhận đều được đánh giá ít nhất một lần với việc áp dụng một trong kỹ thuật đánh giá CAB được quy định tại khoản 6.5.</p>	<p>testing and Interlaboratory Comparisons;</p> <ul style="list-style-type: none"> - results of previous assessments, - changes that have occurred in the personnel of the CAB since the last assessment. <p>6.4.2 The assessment team determines from personnel of the CAB conducting tests/calibrations for selected representative methods, personnel to be assessed: minimally one person for each selected representative test/calibration method for a specific assessment.</p> <p>6.4.3 During selecting the personnel of the CAB to be assessed, the results of previous assessments are taken into account so that during the accreditation cycle all the CAB's personnel carrying out activities throughout the scope of accreditation were assessed at least once with application one of the technique of the CAB's assessment specified in clause 6.5.</p>
<p>6.5. Quy định chung</p>	<p>6.5 General rules</p>
<p>6.5.1. Các kỹ thuật đánh giá CAB bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - đánh giá tại chỗ; - đánh giá từ xa; - chứng kiến; - xem xét tài liệu; - xem xét hồ sơ; - đánh giá đo lường; - xem xét việc thực hiện trong tham gia thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng khác; - đánh giá xác nhận; - thăm không báo trước; - phỏng vấn. <p>Để bao quát các lĩnh vực hoạt động của CAB (lĩnh vực năng lực kỹ thuật) trong phạm vi công nhận, VACI sử dụng kết hợp cân bằng các tiếp cận khác nhau về kỹ thuật đánh giá, bao gồm:</p>	<p>6.5.1. CAB assessment techniques include:</p> <ul style="list-style-type: none"> - on-site assessment; - remote assessment; - witnessing; - document review; - file review; - measurement audits; - review of performance in proficiency testing and other interlaboratory comparisons; - validation audits; - unannounced visits; - interviewing. <p>In order to cover the areas of CAB activities (field of technical competence) according to the scope of accreditation, VACI uses a balanced combination of various access assessment techniques,</p>

- Trụ sở văn phòng của CAB nơi thực hiện các hoạt động chính;

- các cơ sở hoạt động, cũng như các địa điểm của CAB nơi các hoạt động thử nghiệm/hiệu chuẩn được thực hiện trực tiếp, bao gồm cả việc duy trì hồ sơ công việc liên quan đến quy trình và kết quả thử nghiệm/hiệu chuẩn.

Chú thích 1: Địa điểm trực tiếp thực hiện hoạt động thử nghiệm/hiệu chuẩn của CAB trong phạm vi xin công nhận còn bao gồm cả vị trí các địa điểm thực tế của đối tượng thử nghiệm/hiệu chuẩn, bao gồm các địa điểm di động (mobile).

6.3.2 Trong quá trình công nhận ban đầu và công nhận mở rộng, việc đánh giá được tiến hành tại tất cả các địa điểm hoạt động của CAB trong phạm vi đăng ký công nhận.

Trong quá trình chuẩn bị cho đánh giá giám sát và tái công nhận, với trong số các địa điểm của CAB, đoàn đánh giá chọn địa điểm để đánh giá, có tính đến các thử nghiệm/hiệu chuẩn, phương pháp/đối tượng đại diện được chọn.

Trong quá trình giám sát và tái công nhận, việc đánh giá được thực hiện tại văn phòng chính của CAB, cũng như tại các cơ sở hoạt động của CAB, nơi các hoạt động thử nghiệm/hiệu chuẩn được thực hiện đối với các thử nghiệm/hiệu chuẩn, phương pháp/đối tượng đại diện được chọn.

6.3.3 Trong quá trình công nhận ban đầu, ngoài việc thăm trụ sở chính (trụ sở chính), kế hoạch đánh giá phải bao gồm việc thăm tất cả các địa điểm khác của CAB, trong đó có ít nhất một trong các hoạt động chính được thực hiện bởi CAB.

6.3.4 Các hoạt động chính bao gồm:

- chuẩn bị và phê duyệt các chính sách;
- xây dựng và phê duyệt các quy trình và thủ tục;

- CAB's office premises in which key activities are carried out;

- production facilities, as well as the CAB's sites where test/calibration activities are carried out directly, including maintenance of work records relating to the process and test/calibration.

Note 1: The places of direct implementation of the testing/calibration of the CAB in the scope applied for accreditation also include the locations of the actual sites of the test/calibration object, including mobile (mobile) locations.

6.3.2. During initial accreditation and extending accreditation, the assessment is conducted at all sites of the CAB's activities in the scope applied for accreditation.

During the preparation for surveillance and re-accreditation, in the presence of several locations of the CAB, the assessment team selects the sites for the assessment, taking into account selected representative test/calibrations methods/subjects.

During surveillance and re-accreditation, the assessment is carried out in the main office of the CAB, as well as in the production facilities of the CAB, where test/calibration activities are carried out for selected representative test/calibration methods/subjects.

6.3.3 During initial accreditation, in addition to visiting the main (head) office, in the assessment plan must be included a visit to all other sites of the CAB in which at least one of the key activities is performed by the CAB.

6.3.4 Key activities include:

- preparation and approval of policies;
- development and approval of processes and procedures;

<p>theo nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối tượng thử nghiệm (thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, nước....)- Kỹ thuật sử dụng trong thử nghiệm (quan phổ, sắc ký, cô điện.... đối với lĩnh vực hóa, hóa dược; Đếm khuẩn lạc CFU, MPN, PCR.... Với lĩnh vực Sinh).- Loại phép thử (định tính, định lượng, bán định lượng, đa lượng, vi lượng). <p>- Phương pháp áp dụng (phương pháp tiêu chuẩn, phương pháp không tiêu chuẩn).</p> <p>Khi lập kế hoạch đánh giá chứng kiến cần xem xét đến thời gian đánh giá để đảm bảo có thể chứng kiến được toàn bộ quá trình thử nghiệm phép thử trong thời gian đánh giá (chú ý các chỉ tiêu vi sinh). Việc lựa chọn số lượng phép thử để chứng kiến phải đảm bảo chứng kiến được đại diện các kỹ thuật thử nghiệm. Mỗi kỹ thuật thử nghiệm phải chứng kiến ít nhất 30% số phép thử xin công nhận đối với mỗi kỹ thuật thử đó.</p> <p>Trong chu kỳ công nhận, PTN sẽ chịu sự giám sát không quá 2 năm 1 lần và đảm bảo được tất cả các lĩnh vực được giám sát trong chu kỳ công nhận. Trong cuộc đánh giá giám sát các chỉ tiêu kỹ thuật được đánh giá tối thiểu 30% phạm vi đang được công nhận.</p> <p>6.2.2.3 Đánh giá theo ISO 15189:2012 nhóm các phép thử được chia ra theo:</p> <p>Đối tượng thử nghiệm (máu, nước tiểu, mô....)</p> <p>Kỹ thuật sử dụng trong thử nghiệm (tự động, bán tự động, nuôi cấy, nhuộm, soi..)</p> <p>Loại phép thử (định tính, định lượng, bán định lượng, định danh).</p> <p>Phương pháp sử dụng (phương pháp tiêu chuẩn, không tiêu chuẩn)</p> <p>Số lượng các phép thử lựa chọn để đánh giá chứng kiến phải bao gồm hết tất cả các nhóm đã được chia theo nguyên tắc ở</p>	<ul style="list-style-type: none">- Matrix (Food, Feed, Fishery product, water...)- Technique using for the test (chemistry: Spectrophotography, classic...; Pharmaceutical chemistry; biological testing CFU, MPN, PCR..)- Type of test (quanlitative, quantitative, semi-quantitative, content analysis, residue analysis).- Applied method (standard method, non-standard method) <p>When planning a witnessed assessment, the timing of the assessment should be taken into account to ensure that the entire test procedure can be witnessed during the assessment time (pay attention to microbiological criteria). The number of tests to witness must ensure that the witness is representative of the testing technique. Each test technique must witness at least 30% of the number of tests to be accredited for each technique. Particulary for calibration operations.</p> <p>During the accreditation cycle, the laboratory will be monitored no more than once every 2 years and ensure all areas are monitored during the accreditation cycle. During the surveillance assessment, technical indicators are assessed at least 30% of the currently recognized range.</p> <p>6.2.2.3 For ISO 15189 scheme, the test can be classifield based on:</p> <p>The test object (blood, tissue, urea...)</p> <p>Technique (automanic, semi-automatic, incubation...).</p> <p>Types of tests (qualitative, quantitative, semi-quantitative..)</p> <p>Applied method (standard method, non-standard method)</p> <p>Number of selected tests for witness shall cover all aboved groups, and consist at least 50% in the total number of tests in</p>
---	---

Các yếu tố này có thể được xác định như sau:

- Số lần thử nghiệm/hiệu chuẩn đã tiến hành;
- Thay đổi về nhân sự;
- Kinh nghiệm và kiến thức của nhân viên;
- Tính ổn định/không ổn định được thừa nhận rộng rãi của phương pháp đo;
- Thay đổi về cơ sở vật chất kỹ thuật của phòng thí nghiệm;
- Mức độ quan trọng và mục đích sử dụng của dữ liệu thử nghiệm/hiệu chuẩn;
- Kết quả về sự tham gia của phòng thí nghiệm trong các chương trình thử nghiệm thành thạo;
- Những thay đổi đã xảy ra trong cấu trúc của CAB kể từ lần đánh giá cuối cùng;
- Những thay đổi quan trọng trong hệ thống quản lý.

6.1.10 Trong quá trình lập kế hoạch chứng kiến để chuẩn bị một kế hoạch đánh giá cụ thể, trưởng đoàn đánh giá dựa trên chương trình giám sát và tái công nhận cho chu kỳ công nhận và kết quả phân tích thông tin do CAB gửi.

6.1.11 Các thử nghiệm/hiệu chuẩn nên được chứng kiến khi lập kế hoạch đối với các phương pháp trong phạm vi công nhận mà CAB không có hoặc có rất ít (dưới 5) hoạt động, cũng như đối với các thay đổi trong nhân sự kể từ lần đánh giá cuối cùng đối với các phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn cụ thể trong phạm vi công nhận.

6.1.12 Việc phân tích tình huống là hiệu quả trong quá trình đánh giá các phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn mà CAB đã thực hiện một số lượng lớn công việc kể từ lần đánh giá cuối cùng.

scope of accreditation.

These factors can be defined as follows:

- the number of tests/ calibrations/ inspections/proficiency testing conducted;
- changes in personnel;
- experience and knowledge of the personnel;
- universally recognized stability/instability of the measurement method;
- changes in the technical facilities of the laboratory;
- the significance and end-use of tests/calibrations data;
- the results of the participation of the laboratory in proficiency testing programs;
- changes that have occurred in the structure of the CAB since the last assessment;
- significant changes in the management system.

6.1.10 During the planning of witnessing in the preparation of a specific assessment plan, the lead assessor is guided by a surveillance and reaccreditation program for the accreditation cycle and by the results of the analysis of the information submitted by the CAB.

6.1.11. Witnessing of tests/calibrations is recommended to plan for those methods according to the scope of accreditation for which there were no or very few (less than 5) CAB's activities, as well as for changes in personnel since the last assessment in specific test/calibrations methods according to the scope of accreditation.

6.1.12 The analysis of the case is effectively used during the assessment of test/calibration methods for which the CAB has carried out a large number of works since the last assessment.

địa điểm triển khai các hoạt động theo phạm vi công nhận bổ sung).

6.1.5 Trong quá trình giám sát và đánh giá lại, việc lựa chọn lấy mẫu được thực hiện sao cho đảm bảo rằng VACI sẽ đánh giá số lượng mẫu đại diện cho các hoạt động của CAB (các phương pháp tùy theo phạm vi công nhận và các yếu tố của hệ thống quản lý) trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ công nhận (chu kỳ công nhận).

6.1.6 Việc đánh giá sau khi công nhận lần đầu được thực hiện theo chương trình giám sát và tái công nhận đối với chu kỳ công nhận (gọi tắt là chương trình) do chuyên gia đánh giá trưởng thực hiện đánh giá lần đầu biên soạn trong 5 năm.

Chương trình bao gồm các hoạt động giám sát CAB trong chu kỳ công nhận và đánh giá để tái công nhận. Chương trình bao gồm dữ liệu dạng bảng với thông tin về thời lượng đánh giá, về các yếu tố của hệ thống quản lý CAB được kiểm tra xác nhận và về các khía cạnh kỹ thuật (thử nghiệm phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn đại diện trong phạm vi công nhận của CAB và địa điểm đánh giá).

6.1.7 Chương trình giám sát và tái công nhận cho chu trình công nhận được soạn thảo có tính đến các vấn đề sau:

Đối với mỗi cuộc giám sát, cần đánh giá hoạt động của các yếu tố sau trong hệ thống quản lý:

- khiếu nại (khiếu nại),
- đánh giá nội bộ,
- kiểm soát sự không phù hợp trong hoạt động;
- hành động khắc phục,

the additional scope applied, all sites of implementation of activities according to the additional scope of accreditation).

6.1.5 During surveillance and re-assessment the selection of the sampling is carried out in such a way as to ensure that the VACI will assess the representative number of samples of the CAB's activities (methods according to the scope of accreditation and elements of the management system) for the validity period of the accreditation certificate (accreditation cycle).

6.1.6 The assessments after the initial accreditation are carried out according to the program of surveillance and re-accreditation for the accreditation cycle (hereinafter the program), which is compiled for 5 years by the lead assessor conducted the initial evaluation.

The program includes surveillance of the CAB for the accreditation cycle and assessment for the purpose of re-accreditation. The program contains tabular data with information on the timing of assessments, on the elements of the CAB's management system being checked and on technical aspects (representative test/calibration methods according to the scope of accreditation of the CAB and the location of the assessment).

6.1.7 The surveillance and re-accreditation program for the accreditation cycle is drawn up taking into account the following:

• For each surveillance it is necessary to assess the functioning of the following elements of the management system:

- complaint (claims),
- internal audits,
- control of nonconformity in operations;
- corrective actions,

<p>VÍ DỤ 1 Hiệu ứng nhiệt điện, được sử dụng để đo nhiệt độ.</p> <p>VÍ DỤ 2 Năng lượng hấp thụ dùng để đo nồng độ mol</p> <p>Quy trình đo - mô tả chi tiết về phép đo theo một hoặc nhiều nguyên lý đo và phương pháp đo đã cho dựa trên mô hình đo và bao gồm các tính toán cần thiết để thu được kết quả đo;</p> <p>Đánh giá lại – đánh giá do VACI thực hiện để duy trì sự công nhận;</p> <p>Mở rộng công nhận – mở rộng phạm vi công nhận bao gồm cả sự bố trí cơ sở mới cho các hoạt động thử nghiệm/hiệu chuẩn;</p> <p>Đại diện – đưa ra một ý tưởng khách quan về một cái gì đó đại diện điển hình cho một số lượng lớn, tổng thể của một cái gì đó.</p>	<p>EXAMPLE 1 Thermoelectric effect, used to measure temperature.</p> <p>EXAMPLE 2 Absorption energy used to measure molarity</p> <p>Measurement procedure - a detailed description of the measurement according to one or more given measurement principles and methods based on the measurement model and including the calculations necessary to obtain the measurement results;</p> <p>Reassessment – an audit conducted by VACI to maintain accreditation;</p> <p>Accreditation expansion – expanded accreditation to include new facility arrangements for testing/calibration activities;</p> <p>Representation – giving an objective idea of something thing that represents a large, overall amount of something.</p>
<p>5. Các chữ viết tắt</p>	<p>5. Abbreviations</p>
<p>VACI: Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam</p> <p>CAB: Tổ chức đánh giá sự phù hợp</p>	<p>VACI: Vietnam Institute of Accreditation.</p> <p>CAB: Conformity Assessment Organization</p>
<p>6. Lấy mẫu</p>	<p>6. Sampling</p>
<p>6.1 Quy định chung</p>	<p>6.1 General provisions</p>
<p>6.1.1 Việc lấy mẫu đối tượng đánh giá được thực hiện để chuẩn bị cho cuộc đánh giá trong thời gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> - công nhận ban đầu; - tái công nhận; - mở rộng công nhận; - giám sát và theo dõi. <p>Trong quá trình chuẩn bị cho mỗi lần đánh giá CAB, các đối tượng đánh giá sau đây sẽ được lấy mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - các yếu tố của hệ thống quản lý của CAB; - Khía cạnh kỹ thuật (các phương pháp thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, thử nghiệm thành thạo đại diện theo phạm vi 	<p>6.1.1 The sampling of the audit object is carried out in preparation for the audit during:</p> <ul style="list-style-type: none"> - initial recognition; - re-accreditation; - extended accreditation; - monitoring and tracking. <p>During the preparation for each CAB audit, the following audit subjects will be sampled:</p> <ul style="list-style-type: none"> - elements of the CAB's management system; - technical aspects (testing, calibration, inspection, proficiency testing methods representative of CAB accreditation

representative sample of methods in each direction in the scope of accreditation

**Chú thích: trong mỗi chu kỳ công nhận, cần phải thay đổi phương pháp đại diện từ mẫu đại diện có tính đến việc chứng kiến được thực hiện trong chu kỳ trước đó.*

**Note: in each accreditation cycle it is necessary to change representative methods from a representative sample taking into account witnessing made in the previous cycle.*